

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/HS-ST

Ngày: 28/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mão;

Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 132/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ, sinh năm 1980 tại Ninh Bình; Trú tại: số nhà 1001 đường T, phố 12, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B; Chồng Nguyễn Ngọc S; Con có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 02/7/2019 cho đến nay, (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; Trú tại: số 11, ngõ 107, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: số 15, ngõ 176, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

- Chị Trần Thị M, sinh năm 1978; Trú tại: số 26, đường N, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

- Anh Đinh Văn B, sinh năm 1969; Trú tại: số 8, ngách 20, ngõ 139, đường L, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị Hồng V (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H ở số nhà số nhà 1001 đường T, phố 12, phường V, thành phố N về hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán các số lô, số đề trái phép. Ngoài những vật chứng liên quan đến hành vi đánh bạc, Nguyễn Thị H còn tự giác giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N 01 quyển sổ theo dõi việc cho vay tiền lấy lãi. Quá trình điều tra xác định, H là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng H đã vay của bạn là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, trú tại số 87, đường T, phố 2, phường N, thành phố N số tiền 300.000.000^d với mức lãi suất 1.000^d/1.000.000^d/1 ngày sau đó sử dụng số tiền trên kết hợp với tiền của gia đình mình để cho những người quen biết vay lại với lãi xuất 3.000^d/1.000.000^d/1 ngày cao hơn 5,475 lần so với lãi xuất cho phép trong giao dịch dân sự được pháp luật quy định (20%/01 năm tương đương 547,9^d/1.000.000^d/1 ngày). H thu lãi theo tháng, 01 tháng tính là 30 ngày, cụ thể:

Ngày 08/6/2018, Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1982, trú tại số 11, ngõ 107, đường T, phố B, phường N, thành phố N vay số tiền 30.000.000^d với mức lãi suất 2.500^d/1.000.000^d/1 ngày (tương đương 7,5%/1 tháng), ngày 5/7/2018 H thu của chị H1 1 tháng tiền lãi số tiền 2.250.000^d, sau đó chị H1 vay tiếp 15.000.000^d của H. Tổng số tiền H cho chị H1 vay là 45.000.000^d, H và chị H1 thống nhất mức lãi suất 3.000^d/1.000.000^d/1 ngày tính từ ngày 08/7/2018. Đến ngày 24/5/2019 H đã chốt với chị H1 tổng số ngày vay là 320 ngày và thu 23.000.000^d tiền lãi, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá 547,9(đồng) x 320 (ngày) x 45 = 7.890.410,96^d. Như vậy số tiền thu lợi bất chính là 15.109.589^d.

Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 11/01/2019, Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1983, trú tại số 15, ngõ 176, đường N, phố V, phường T, thành phố N đã nhờ bạn là chị Phạm Thị Hồng V sinh năm 1982, trú tại số 22, ngõ 1, đường P, phố 3, phường V, thành phố N đứng tên vay của Nguyễn Thị H 04 lần với tổng số tiền 55.000.000^d với mức lãi suất 3.000^d/1.000.000^d/1 ngày.

Lần thứ nhất, ngày 25/12/2018 chị V vay 20.000.000^d, đã trả lãi đến ngày 25/4/2019. Số ngày vay là 121 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá 547,9 (đồng) x 121 (ngày) x 20 = 1.326.027,40^d.

Lần thứ hai, ngày 05/01/2019 chị V vay 10.000.000^d, đã trả lãi đến ngày 05/5/2019. Số ngày vay là 120 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 120 (\text{ngày}) \times 10 = 657.534,25^d$.

Lần thứ ba, ngày 07/01/2019 chị V vay 10.000.000^d, đã trả lãi đến ngày 07/5/2019. Số ngày vay là 120 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 120(\text{ngày}) \times 10 = 657.534^d$.

Lần thứ tư, ngày 11/01/2019 chị V vay 15.000.000^d, đã trả lãi đến ngày 11/5/2019. Số ngày vay là 120 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 120 (\text{ngày}) \times 15 = 986.301^d$.

Tổng số tiền H được thu lãi của 04 khoản vay trên theo quy định của pháp luật là không quá 3.627.397^d. Ngày 25/4/2019 H đã thu tổng số 13.900.000^d tiền lãi của chị T. Như vậy số tiền H thu lợi bất chính là 10.272.603^d.

Ngày 10/01/2019, Nguyễn Thị H cho chị Trần Thị M sinh năm 1978, trú tại số 26, đường N, phố H, phường N, thành phố N vay số tiền 20.000.000^d, với mức lãi suất $3.000^d/1.000.000^d/1$ ngày. Đến ngày 10/6/2019 H đã chốt với chị M tổng số ngày vay là 151 ngày và thu 9.000.000^d tiền lãi theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9 (\text{đồng}) \times 151 (\text{ngày}) \times 20 = 1.654.795^d$, tính đến ngày 10/6/2019 H đã thu của chị M 9.000.000^d tiền lãi. Như vậy số tiền thu lợi bất chính là 7.357.205^d.

Từ ngày 25/01/2019 đến 28/03/2019 Nguyễn Thị H cho anh Đinh Văn B sinh năm 1969, trú tại phố 10, phường V, TP Ninh Bình, chỗ ở hiện nay tại số 8, ngách 20, ngõ 139, đường L, phố P, phường P, TP Ninh Bình vay 05 lần với tổng số tiền 95.000.000^d với mức lãi suất $3.000^d/1.000.000^d/1$ ngày. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Từ ngày 25/01/2019 đến ngày 01/5/2019, H cho anh Đinh Văn B vay 10.000.000^d. Số ngày vay là 96 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 96 (\text{ngày}) \times 10 = 526.027^d$.

Lần thứ hai: Từ ngày 06/02/2019 đến ngày 01/5/2019, H cho anh Đinh Văn B vay 20.000.000^d. Số ngày vay là 84 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 84 (\text{ngày}) \times 20 = 920.547^d$.

Lần thứ ba: Từ ngày 08/02/2019 đến ngày 01/5/2019, H cho anh Đinh Văn B vay 20.000.000^d. Số ngày vay là 82 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 82 (\text{ngày}) \times 20 = 898.630^d$.

Lần thứ 4: Từ ngày 10/02/2019 đến ngày 22/3/2019, H cho anh Đinh Văn B vay 30.000.000^d. Số ngày vay là 40 ngày theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 40 (\text{ngày}) \times 30 = 657.534^d$.

Lần thứ 5: Từ ngày 28/3/2019 đến ngày 01/05/2019, H tiếp tục cho Ba vay 15.000.000^d. Số ngày vay là 34 ngày, theo quy định của pháp luật H được thu lãi của khoản vay này không quá $547,9(\text{đồng}) \times 34 (\text{ngày}) \times 15 = 279.452^d$.

Tổng số tiền theo quy định của pháp luật H được thu lãi của các khoản vay đối với anh B là 3.282.192^d. Tính đến ngày 01/5/2019 H đã thu của anh B tổng số tiền lãi là 15.000.000^d, số tiền H thu lời bất chính từ các khoản vay của anh B là 11.717.808^d.

Như vậy tổng số tiền H cho chị T, chị H1, chị M và anh B vay là 215.000.000^d, thu lời bất chính 44.445.205^d.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã thu giữ của Nguyễn Thị H 01 quyển sổ bì da màu đỏ nhãn hiệu KHÁNH LINH có chữ viết của Nguyễn Thị H và chị Phạm Thị Hồng V liên quan đến việc vay tiền. Ngày 20/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định số 162 và ngày 15/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định số 174 trưng cầu giám định chữ viết của Nguyễn Thị H và chị Phạm Hồng Vân.

Tại bản Kết luận giám định số 26 ngày 02/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ viết, chữ số từ dòng 1 đến dòng 8 tại tờ số 2 (mặt trước) so với chữ viết của Phạm Hồng Vân là do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 32 ngày 22/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ viết, chữ số từ dòng 9 đến dòng 19 tại dòng 11, dòng 15, dòng 18 (mặt trước); dòng 1, dòng 2 (mặt sau) tờ số 2, tại tờ số 9, 11 và 44 so với chữ viết của Nguyễn Thị H là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 02/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 201; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt Nguyễn Thị H từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để sung công quỹ.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 231.454.794^d để sung công quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/7/2018 đến ngày 28/3/2019 Nguyễn Thị H đã cho chị Nguyễn Thị T, Trần Thị M, Nguyễn Thị H1 và anh Đinh Văn B vay tổng tiền 215.000.000 đồng, H tính lãi xuất đối với từng lần vay là 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày gấp 5,475 lần mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (547,9 đồng/01 triệu/ ngày), thu lợi bất chính số tiền là 44.425.205 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 BLHS; do đó cần áp dụng Điều 36 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là có căn cứ, phù hợp; đồng thời khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo là 5%; phạt tiền bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về các biện pháp tư pháp:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng cộng khoản tiền cho vay (tiền gốc) là 215.000.000^d được xác định là phương tiện phạm tội, và số tiền lãi 16.454.794^d tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 44.425.205 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay Theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền. Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị T, chị Trần Thị M, chị Nguyễn Thị H1 và anh Đinh Văn B đã nhận lại số tiền trên và không có ý kiến đề nghị gì vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra xác định ngoài cho chị Phạm Hồng V, Trần Thị M, Nguyễn Thị H1 và anh Đinh Văn B vay tiền, Nguyễn Thị H còn cho chị Vũ Thị Phương T sinh năm 1979, trú tại số 53, đường C, phố 7, phường Đ, thành phố N vay số tiền 10.000.000^d và cho anh Trần Quốc P sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình vay số tiền 30.000.000^d nhưng không tính lãi suất và nhiều người khác vay tiền nhưng do bị can không nhớ rõ tên tuổi địa chỉ nên không đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Thị H về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với chị Nguyễn Thị T cho Nguyễn Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất 1000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 3%/1 tháng), mức lãi suất nêu trên mà chị T cho H vay không vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định. Vì vậy không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Về

hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị H, Cơ quan điều tra đã xử lý trong một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm r, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47 BLHS; Khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam, thời hạn tính từ ngày UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Hồng cho UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước; Trong thời gian chấp hành án bị cáo H còn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng là 05% để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 231.455.000^d (Hai trăm ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28 tháng 10 năm 2019).

- Chị T, chị M, chị H1 và anh B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Bình